

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ Q  
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Q, ngày 20 tháng 5 năm 2019.*

Số: 73/2019/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH  
C NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q - TỈNH QUẢNG NINH**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào các Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị Q1 số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 76/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019 về việc "*Yêu cầu C nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn*" gồm những người tham gia tố tụng sau:

- *Người yêu cầu giải Q1 việc dân sự:*

1. Anh Lê Sỹ Đ, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Khu 6, phường PC, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

2. Chị Vũ Thị N, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Khu 6, phường PC, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về trình tự thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Q thụ lý và giải Q1 yêu cầu C nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con số: 76/2019/TLST-HNGĐ ngày 10/5/2019 người yêu cầu: Anh Lê Sỹ Đ và chị Vũ Thị N là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự và C văn số: 310/TANDTC-PC của Tòa án nhân dân tối cao ngày 11/10/2018, hướng dẫn nghiệp vụ triển khai thí điểm về đổi mới, tăng cường hòa giải, đối thoại trong giải Q1 các tranh chấp dân sự, khiếu kiện hành chính tại Tòa án nhân dân.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Sỹ Đ và chị Vũ Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường PH, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 06/5/2003; việc kết hôn của anh Đ và chị N là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh Đ và chị N sống hòa thuận hạnh phúc, cho đến giữa năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách hai bên không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên va chạm xúc phạm đến nhau.

Nay anh Đ và chị N xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, có tiếp tục chung sống cũng không đem lại hạnh phúc cho nhau. Anh Đ và chị N cùng thống nhất Đ nghị Tòa án C nhận sự thuận tình ly hôn. Xét thấy, việc anh Đ và chị N thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Đ và chị N có 03 (ba) con chung là Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 31/8/2003, Lê Sỹ Q1, sinh ngày 07/11/2005 và Lê Sỹ C, sinh ngày 23/6/2008. Hai bên thỏa thuận anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Thị Ngọc A và Lê Sỹ Q1. Chị N nuôi dưỡng con chung Lê Sỹ C, cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau, nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được cản trở. Việc thỏa thuận, thống nhất nêu trên của anh Đ và chị N là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại các Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung và vay nợ: Anh Lê Sỹ Đ và chị Vũ Thị N đều xác định vợ chồng không có tài sản chung và không vay nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải Q1.

[5]. Về lệ phí việc dân sự: Anh Đ tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị Q1 số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, tài sản và các vấn Đ khác do Trung tâm hòa giải, đối thoại Tòa án nhân dân thị xã Q lập ngày 10 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. C nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: C nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Sỹ Đ và chị Vũ Thị N.

- Về con chung: Anh Lê Sỹ Đ được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 31/8/2003 và Lê Sỹ Q1, sinh ngày 07/11/2005. Chị N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Sỹ C, sinh ngày 23/6/2008 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được cản trở.

2. Về lệ phí: Anh Lê Sỹ Đ tự nguyện chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai

thu tiền tạm ứng lệ phí số 0003340 ngày 10/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Anh Đ đã nộp đủ lệ phí giải Q1 việc dân sự sơ thẩm.

3. Q1 định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, Q1 định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Q;
- Chi cục THADS thị xã Q;
- UBND phường PH;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

***Nguyễn Văn Điền***